TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11-7-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Giáp Long
Ông Nguyễn Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công, Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 -Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thúy H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số A, đường V, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường M, Thành phố Cần Thơ) (có mặt)

Bị đơn: Ông Võ Hoàng N, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Số A, đường V, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Phường P, Thành phố Cần Thơ) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2024 và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thúy H và ông Võ Hoàng N tổ chức lễ cưới ngày 19/02/2014 (âm lịch) đến ngày 14/4/2014, ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Trong khoảng thời gian chung sống hôn nhân, ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, có 02 con chung:

cháu Võ Phạm Ngọc D, sinh ngày 01/3/2015, Võ Phạm Hà M, sinh ngày 19/8/2017. Về tài sản: Căn nhà tọa lạc Khóm I, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường P, Thành phố Cần Thơ) được xây dựng trên thửa đất số 959, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Khóm I, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường P, Thành phố Cần Thơ). Bà Phạm Thúy H cho rằng quyền sử dụng đất diện tích 176m^2 (ODT:40m^2; HNK: 136m^2) thửa đất số 959, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Khóm I, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường P, Thành phố Cần Thơ), được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 19/9/2018 cho ông Võ Hoàng N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 486643, số vào sổ cấp GCN: CS01505 là tài sản chung của vợ chồng. Về nợ chung: ông bà không có nợ ai.

Bà Phạm Thúy H cho rằng bà Phạm Thúy H và ông Võ Hoàng N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến và không tôn trọng nhau nên vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà không còn chung sống với nhau.

Nay bà Phạm Thúy H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thúy H được ly hôn với ông Võ Hoàng N.

Về con chung: Bà Phạm Thúy H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Phạm Ngọc D, sinh ngày 01/3/2015, cháu Võ Phạm Hà M, sinh ngày 19/8/2017. Bà Phạm Thúy H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng ông Võ Hoàng N tự nguyện cấp dưỡng bà H sẽ đồng ý ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thúy H yêu cầu giao cho ông Võ Hoàng N được toàn quyền sở hữu căn nhà được xây dựng trên thửa đất số 959, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Khóm I, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Phường P, Thành phố Cần Thơ).

Ông Võ Hoàng N có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thúy H ½ giá trị căn nhà và quyền sử dụng đất, tương ứng giá trị định giá 775.363.200 đồng.

Về nợ chung: Bà Phạm Thúy H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp: 01 Bản chính Giấy Chứng nhận kết hôn giữa Phạm Thúy H và Võ Hoàng N; 01 Căn cước công dân tên Phạm Thúy H và Võ Hoàng N (Bản sao có chứng thực); Giấy khai sinh của Võ Phạm Ngọc D, sinh ngày 01/3/2015, Võ Phạm Hà M, sinh ngày 19/8/2017 (bản sao).

Bị đơn ông Võ Hoàng N trình bày: Ông và bà Phạm Thúy H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 14/4/2014. Về yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thúy H thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Đối với hai cháu Võ Phạm Ngọc D, sinh ngày 01/3/2025, Võ Phạm Hà M, sinh ngày 19/8/2017. Ông đồng ý để bà Phạm Thúy H được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Võ Phạm Ngọc D, sinh ngày 01/3/2025, Võ Phạm Hà M, sinh ngày 19/8/2017 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Ông Võ Hoàng N tự nguyện cấp dưỡng mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đều đủ 18 tuổi. Bà H đồng ý việc cấp nuôi con của ông N.

Về tài sản: Ông N cho rằng bà H yêu cầu chia đôi tài sản, giao ông Võ Hoàng N nhận hiện vật, ông N trả giá trị cho bà H trong tổng giá trị 1.550.726.400 đồng, đối với căn nhà gắn liền với phần đất tại thửa đất số 956, tờ bản đồ số 55, diện tích 176m^2 (ODT:40m^2; HNK: 136m^2), tọa lạc Khóm I, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường P, thành phố Cần Thơ), thì ông N không đồng ý. Về nguồn gốc tài sản có được do nguồn tiền của cả hai vợ chồng tạo lập ra, nhưng tài sản do ông Võ Hoàng N đứng tên nên đây là tài sản riêng của ông N, khi hai cháu lớn ông N sẽ ký hợp đồng tặng cho cho các cháu.

Về nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Hoàng N không giao nộp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho việc trình bày của ông.

Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5- Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ) thu thập:

Biên bản lấy lời khai ông Võ Hoàng N ngày 16/10/2024; Biên bản lấy ý kiến của cháu Võ Phạm Ngọc D và của cháu Võ Phạm Hà M, ngày 05/3/2025: "*Hai cháu đều trình bày nguyện vọng chung sống với mẹ là bà Phạm Thúy H"*

Trích lục hồ sơ sao chụp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày 25/02/2025:

"Quyền sử dụng đất diện tích 176m^2 (ODT: 40m^2; HNK: 136m^2) thửa đất số 959, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Khóm I, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Phường P, Thành phố Cần Thơ) do ông Võ Hoàng N đứng tên người sử dụng đất.

"Căn nhà xây dựng trên quyền sử dụng đất không thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở"

Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 19/05/2025; Báo cáo & chứng thư thẩm định giá, ngày 20/05/2025 của Công ty Thẩm định giá HTH:

tt	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Đơn giá (đồng/m^2)	CLCL (%)	Giá trị (đồng)

	Thửa đất số 959, tờ bản đồ số 55, Khóm 9, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.				
	Quyền sử dụng đất				1.048.752.000
1	Đất ở đô thị	40	7.597.000		303.880.000
2	Đất cây lâu năm	136	5.477.000		744.872.000
	Công trình xây dựng				501.974.400
1	*Nhà chính*	*120*	*4.939.000*	*80%*	*474.144.000*
2	*Mái che*	*23,5*	*678.000*	*80%*	*12.746.400*
3	*Hàng rào*	*15*	*1.257.000*	*80%*	*15.084.000*
Tổng cộng					1.550.726.400

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất về giá trị tài sản chung tranh chấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Võ Hoàng N thừa nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà bà Phạm Thúy H đã trình bày và giao nộp cho Tòa án:

Bà Phạm Thúy H và ông Võ Hoàng N thống nhất: Về con chung, nợ chung và về thời kỳ hôn nhân, về yêu cầu ly hôn ông N đồng ý ly hôn với bà H tại giai đoạn hòa giải.Về con chung: ông Võ Hoàng N đồng ý giao cho bà Phạm Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng đối với hai cháu Võ Phạm Ngọc D và Võ Phạm Hà M. Ông N cấp dưỡng mỗi cháu, mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đều đủ 18 tuổi, bà H đồng ý mức cấp dưỡng.

- Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Về tài sản: Bà Phạm Thúy H cho rằng quyền sử dụng đất và căn nhà là tài sản chung nên yêu cầu chia đôi, ông Võ Hoàng N cho rằng quyền sử dụng đất và căn nhà là tài sản riêng không đồng ý chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thúy H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với ông Võ Hoàng N và ông N cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường P, Thành phố Cần Thơ) nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (từ ngày

01/7/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 5- Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ kế thừa giải quyết) là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thúy H, căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định như sau:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thúy H và ông Võ Hoàng N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 14/4/2014, việc xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân ông bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[4] Về yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thúy H: Sau thời gian chung sống thì bà H, ông N phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau; từ tháng 6 năm 2024 đến nay thì ông bà không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; ông Võ Hoàng N đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông N, xác định bà Phạm Thúy H và ông Võ Hoàng N thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung là cháu: Võ Phạm Ngọc D, sinh ngày 01/3/2015, cháu Võ Phạm Hà M, sinh ngày 19/8/2017 đều giới tính nữ đang ở chung mẹ. các cháu có nguyện vọng chung sống với mẹ, ông N đồng ý giao các cháu cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, các đương sự thỏa thuận được trên cơ sở tôn trọng ý kiến của cháu Võ Phạm Ngọc D và Võ Phạm Hà M, hằng ngày sinh hoạt các cháu gần gủi với mẹ hơn, các cháu là nữ nên giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của trẻ em. Ông Võ Hoàng N không trực tiếp nuôi dưỡng con được thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở phù hợp theo quy định tại các Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ý chí tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, ông Võ Hoàng N cấp dưỡng nuôi con đối với hai cháu Võ Phạm Ngọc D, Võ Phạm Hà M, mỗi tháng, mỗi cháu 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đều đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày tuyên án sơ thẩm. Địa điểm, phương thức cấp dưỡng do ông N, bà H tự thỏa thuận là là phù hợp theo quy định Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về tài sản: Bà Phạm Thúy H và ông Võ Hoàng N không thống nhất thỏa thuận được, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7.1] Đối với quyền sử dụng đất: Diện tích 176m^2 (ODT:40m^2; HNK: 136m^2) thửa đất số 959, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Khóm I, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường P, Thành phố Cần Thơ), được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 19/9/2018 cấp cho ông Võ Hoàng N. Đối với công trình xây dựng trên đất: Căn nhà số A V chưa làm thủ tục hoàn công, gắn tài sản trên đất, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Về nguồn tiền có được để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xây dựng căn nhà là cả ông N, bà H cùng chung tạo lập, thủ tục đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng nhà do ông Võ Hoàng N thực hiện vào thời điểm này bà H sinh cháu thứ hai đang được chăm sóc hai bên gia đình ông bà nội, ông bà ngoại.

[7.2] Theo Điều 34 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. *Đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản chung...*

2. Trong trường hợp giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng tài sản chỉ ghi tên một bên vợ hoặc chồng thì giao dịch liên quan đến tài sản này được thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Luật này; nếu có tranh chấp về tài sản đó thì được giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật này.

[7.3] Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. *Tài sản chung của vợ chồng...*

3. Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung.

[7.4]. Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. *Tài sản riêng của vợ, chồng*

1. Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản được chia riêng cho vợ, chồng theo quy định tại các điều 38, 39 và 40 của Luật này; tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ, chồng và tài sản khác mà theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng.

[7.5]. Như vậy, tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà phát sinh vào thời kỳ hôn nhân dù đứng tên một bên là ông Võ Hoàng N, nhưng ông Võ Hoàng N không chứng minh là tài riêng được quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời tài sản được tạo lập nguồn tiền từ công sức của cả vợ chồng nên là tài sản chung.

[7.6]. Xét bà Phạm Thúy H yêu cầu chia đôi tài sản chung theo quy định Khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 7 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao –Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Đối với phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về chi phí tố tụng: Căn cứ theo khoản 2 Điều 157, Khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí thẩm định, định giá theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia đối với tổng số tiền thẩm định, định giá tài sản là 10.950.000 đồng. Như vậy, bà H phải chịu (50% x 10.950.000 đồng = 5.475.000 đồng) bà H đã thực hiện xong. Ông N phải chịu (50% x 10.950.000 đồng = 5.475.000 đồng), bà H đã nộp tạm ứng nên ông N phải trả lại cho bà Phạm Thúy H số tiền 5.475.000 đồng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo điểm a, b khoản 5 và điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn bà Phạm Thúy H và bị đơn ông Võ Hoàng N thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 25% án phí quy định; ông Võ Hoàng N phải chịu án phí cấp dưỡng; Bà Phạm Thúy H và ông Võ Hoàng N phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần giá trị được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1,2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 157; Khoản 2 Điều 165; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280; điểm a Khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 19; Điều 55, Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110, Điều 116 và Điều 117; Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 7 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao –Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 5 và và điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thúy H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với ông Võ Hoàng N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thúy H và ông Võ Hoàng N thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Võ Phạm Ngọc D (giới tính: nữ), sinh ngày 01/3/2015, Võ Phạm Hà M (giới tính: nữ), sinh ngày 19/8/2017. Ông Võ Hoàng N cấp dưỡng nuôi con đối với hai cháu Võ Phạm Ngọc D, Võ Phạm Hà M, mỗi tháng, mỗi cháu 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đều đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 11/7/2025. Địa điểm, phương thức cấp dưỡng do ông N, bà H tự thỏa thuận.

Ông Võ Hoàng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc hai cháu Võ Phạm Ngọc D (giới tính: nữ), sinh ngày 01/3/2015, Võ Phạm Hà M (giới tính: nữ), sinh ngày 19/8/2017 theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3. Về chia tài sản:

1.3.1. Xác định tài sản chung của bà Phạm Thúy H và ông Võ Hoàng N:

Quyền sử dụng đất diện tích 176m^2 (ODT:40m^2; HNK: 136m^2) thửa đất số 959, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Khóm I, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường P, Thành phố Cần Thơ), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn khác liền với đất số CN 486643, số vào sổ cấp GCN: CS01505, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 19/9/2018 cho ông Võ Hoàng N.

Căn nhà số A đường V, Khóm I, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Phường P, Thành phố Cần Thơ): Căn nhà chính 120m^2 (ngang 5 m x dài 24m), nền lát gạch men, Khung BTCT, vách tường gạch ốp gạch men cao 1,2m, trần laphông nhựa (trần phòng khách –thạch cao (5mx5m), mái tole, của nhà chính (cửa cái) bằng gỗ

Mái che có diện tích (dài 4,7m, ngang 5m): Cột sắt hộp, mái tole, đỡ mái bằng sắt);

Hàng rào cột bê tông Khung sắt (ngang 5 m, cao 3m)

1.3.2. Giao cho ông Võ Hoàng N có toàn quyền quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình trên đất là:

Quyền sử dụng đất diện tích 176m^2 (ODT:40m^2; HNK: 136m^2) thửa đất số 959, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Khóm I, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường P, Thành phố Cần Thơ), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 486643, số vào sổ cấp GCN: CS01505, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 19/9/2018 cho ông Võ Hoàng N.

Quyền sở hữu căn nhà số A đường V, Khóm I, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường P, Thành phố Cần Thơ): Căn nhà chính 120m^2 (ngang 5m x dài 24m), nền lát gạch men, Khung BTCT, vách tường gạch ốp gạch men cao 1,2m, trần laphông nhựa (trần phòng khách –thạch cao (5m x 5m), mái tole, của nhà chính (cửa cái) bằng gỗ

Mái che có diện tích (dài 4,7m, ngang 5m): Cột sắt hộp, mái tole, đỡ mái bằng sắt);

Hàng rào cột bê tông Khung sắt (ngang 5 m, cao 3m)

Ông Võ Hoàng N có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thúy H số tiền 775.363.200 đồng *(Bảy trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm đồng)*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Võ Hoàng N phải chịu số tiền 5.475.000 đồng *(Bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* để trả cho bà Phạm Thúy H. Bà Phạm Thúy H phải chịu số tiền 5.475.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* bà H đã thực hiện xong.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thúy H phải chịu số tiền 75.000 đồng (án phí thuận tình ly hôn) và 35.014.528 đồng (án phí có giá ngạch tài sản chung được chia), tổng cộng là 35.089.528 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 6.300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002002 ngày 07/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà Phạm Thúy H phải nộp số tiền còn lại là 28.789.528 đồng (*Hai mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi chín, năm trăm hai mươi tám đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Hoàng N phải chịu số tiền 75.000 đồng (án phí thuận tình ly hôn), số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng và 35.014.528 đồng (án phí có giá ngạch tài sản chung được chia), tổng cộng là 35.389.528 *(Ba mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi tám đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5/. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV5-Cần Thơ, TPCT;
- Phòng THADS Khu vực 5 –Cần Thơ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Như